

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 07 tháng 8 năm 2018

Số: 36/ĐĐBQH-VP
V/v xin ý kiến dự án
Luật Cảnh sát biển Việt Nam

- Kính gửi:
- Thường trực, Trưởng các Ban HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 - Lãnh đạo các Sở, ngành tỉnh: Tài chính; Công Thương; Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và PTNT; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng;
 - Lãnh đạo các Văn phòng: Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
 - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh về việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào các dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh gửi đến các đơn vị dự án **Luật Cảnh sát biển Việt Nam** để xin ý kiến đóng góp. Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai phổ biến và lấy ý kiến rộng rãi đến các đối tượng có liên quan; tập trung đóng góp vào các vấn đề quan trọng, thực tế, quan điểm, nguyên tắc; đồng thời phải được Thủ trưởng đơn vị thông qua, ký duyệt và đảm bảo thời gian theo yêu cầu.


Các đơn vị thực hiện việc đóng góp ý kiến **bằng văn bản** (2 bản) đối với dự thảo Luật nêu trên và gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trước ngày 22/8/2018, đồng thời gửi bằng file điện tử qua địa chỉ: vpddbqhtv@travinh.gov.vn

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Kim Vui

Kim Vui

DỰ THẢO
Ngày 01/8/2018

LUẬT
CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM¹

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Cảnh sát biển Việt Nam.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, *nguyên tắc* tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam; bảo đảm chế độ, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam; trách nhiệm của *cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan*.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển* là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý tổ chức, *cá nhân* vi phạm quy định của pháp luật về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. *Biện pháp nhân đạo* là cách thức sử dụng lực lượng, phương tiện và các trang thiết bị khác trong thực hiện tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; giúp đỡ, hỗ trợ, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, các hoạt động hợp pháp của *cơ quan, tổ chức, cá nhân*.

3. *Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam* gồm sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân, viên chức thuộc biên chế Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng chuyên trách của Nhà nước, *làm nòng cốt thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn trên biển*.

2. Cảnh sát biển Việt Nam *có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đề xuất với Đảng, Nhà nước về chính sách, pháp luật và chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trên biển*; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp

¹ Những nội dung in nghiêng, đậm là dự kiến chỉnh lý, bổ sung

luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên *trên biển*.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống lĩnh của Chủ tịch nước, quản lý thống nhất của Chính phủ, *quản lý và điều hành trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng*.

2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tổ chức tập trung, thống nhất, *chuyên sâu*. Tư lệnh Cảnh sát biển *Việt Nam* chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tổ chức, quản lý, chỉ huy, điều hành hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

4. Chủ động phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

5. Kết hợp nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; quản lý an ninh, trật tự, an toàn với phát triển kinh tế biển.

6. Dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc; quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Điều 5. Xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam

1. Nhà nước xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ưu tiên phát triển nguồn lực *xây dựng, phát triển Cảnh sát biển Việt Nam*.

2. Cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng Cảnh sát biển Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

Điều 6. Trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam

1. *Cơ quan*, tổ chức, cá nhân khi hoạt động trong vùng biển Việt Nam, có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

2. *Cơ quan*, tổ chức, công dân Việt Nam có trách nhiệm thực hiện *việc* huy động nhân lực, tàu thuyền, phương tiện dân sự *tham gia* bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia *trên biển khi được yêu cầu; thực hiện việc huy động trong trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của Cảnh sát biển Việt Nam*.

3. Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật cho *cơ quan*, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

4. *Cơ quan*, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam, thực hiện việc huy động của Cảnh sát biển Việt Nam, có thành tích thì được khen thưởng, bị thiệt hại về tài sản thì được *đền bù*, bị tổn hại về danh dự thì

được khôi phục, người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. *Chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam; trả thù, đe dọa, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển trong thi hành công vụ.*

2. *Mua chuộc, hối lộ hoặc ép buộc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển làm trái chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn.*

3. *Giả danh cán bộ, chiến sĩ; giả mạo tàu thuyền, phương tiện Cảnh sát biển Việt Nam; làm giả, mua bán, sử dụng trái phép con dấu, giấy tờ, trang phục Cảnh sát biển Việt Nam;*

4. *Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển để vi phạm pháp luật; xâm phạm tài sản và lợi ích của Nhà nước; tài sản, lợi ích hợp pháp của tổ chức; tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản và lợi ích hợp pháp của cá nhân.*

5. *Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển sách nhiễu, gây khó khăn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp trong vùng biển Việt Nam.*

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 8. Nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam

1. *Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình và đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn và đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trên biển.*

2. *Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; an ninh, lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, tính mạng, sức khỏe, tài sản và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên biển.*

3. *Đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển; tham gia khắc phục sự cố môi trường biển.*

4. *Tham gia xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh trên biển; thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.*

5. *Tiếp nhận, sử dụng nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự được huy động tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

6. *Xử lý các tình huống quốc phòng, an ninh trên biển.*

7. *Hợp tác quốc tế và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ Cảnh sát biển Việt Nam.*

Điều 9. Quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Tuân tra, kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, hàng hóa trong vùng biển Việt Nam *theo chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam.*
2. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ *theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.*
3. *Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.*
4. Xử lý vi phạm hành chính *theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.*
5. Tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự *theo quy định của pháp luật về tổ chức cơ quan điều tra hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.*
6. Truy đuổi người, *tàu thuyền*, phương tiện vi phạm pháp luật trên biển.
7. Huy động người, *tàu thuyền*, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật dân sự của cá nhân, tổ chức Việt Nam *trong trường hợp khẩn cấp.*
8. *Đề nghị* tổ chức, cá nhân và phương tiện nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam hỗ trợ, giúp đỡ.
9. Bắt giữ tàu biển theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu biển.
10. Sử dụng các biện pháp công tác theo quy định tại Điều 12 của Luật này.

Điều 10. Nghĩa vụ và trách nhiệm cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát biển Việt Nam

1. *Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân với Đảng và Nhà nước; nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.*
2. *Kiên quyết bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển; đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, giữ gìn vùng biển Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển.*
3. *Cảnh giác, giữ bí mật công tác, thực hiện nghiêm biện pháp công tác Cảnh sát biển theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.*
4. *Tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.*
5. *Thường xuyên học tập nâng cao bản lĩnh chính trị, kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức tổ chức kỷ luật và rèn luyện thể lực.*
6. *Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định của mình khi thực hiện nhiệm vụ.*

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Mục 1

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ BIỆN PHÁP CÔNG TÁC CỦA CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 11. Phạm vi hoạt động

1. Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam.
2. Trong trường hợp vì mục đích nhân đạo, hòa bình; đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, Cảnh sát biển Việt Nam *được* hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam.

Điều 12. Biện pháp công tác Cảnh sát biển Việt Nam

1. Biện pháp vận động *quần chúng*.
2. Biện pháp pháp luật.
3. Biện pháp *ngoại giao*.
4. *Biện pháp kinh tế*.
5. *Biện pháp khoa học kỹ thuật*.
6. *Biện pháp nghiệp vụ*.
7. Biện pháp vũ trang.
8. *Biện pháp nhân đạo*.

Tư lệnh Cảnh sát biển *Việt Nam* quyết định việc sử dụng các biện pháp công tác Cảnh sát biển theo quy định tại Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Mục 2

THỰC THI PHÁP LUẬT TRÊN BIỂN

Điều 13. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát

1. Cảnh sát biển Việt Nam *thực hiện* tuần tra, kiểm tra, kiểm soát *đối với* người, *tàu thuyền*, phương tiện, *hàng hóa nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên biển*.
2. Các trường hợp *dừng tàu thuyền để kiểm tra, kiểm soát* bao gồm:
 - a) *Trực tiếp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật;*
 - b) *Thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phát hiện, ghi nhận được hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật;*
 - c) *Có tố giác, tin báo về hành vi vi phạm pháp luật;*
 - d) *Có văn bản đề nghị của cơ quan chức năng về truy đuổi, bắt giữ người, phương tiện vi phạm pháp luật;*
 - đ) *Người vi phạm tự giác khai báo về hành vi vi phạm pháp luật;*
 - e) *Các dấu hiệu vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*
3. *Cơ quan, tổ chức, cá nhân, tàu thuyền, phương tiện hoạt động trong vùng biển Việt Nam chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.*

4. Khi tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, Cảnh sát biển Việt Nam phải thể hiện dấu hiệu, phù hiệu theo quy định tại Điều 36 và Điều 38 của Luật này.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 14. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

1. Khi thi hành nhiệm vụ cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và được nổ súng theo quy định của Luật quân lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Khi thi hành nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển được nổ súng vào tàu thuyền trên biển, trừ tàu thuyền của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế, trên tàu thuyền có chở người hoặc có con tin để dừng tàu thuyền thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng điều khiển tàu thuyền đó tấn công hoặc đe dọa trực tiếp đến tính mạng người thi hành công vụ hoặc người khác;

b) Khi có căn cứ cho rằng, tàu thuyền do đối tượng phạm tội điều khiển cố tình chạy trốn;

c) Khi có căn cứ cho rằng, trên tàu thuyền chở đối tượng phạm tội hoặc chở vũ khí, vật liệu nổ trái phép, tài liệu phân động, bí mật nhà nước, ma túy, bảo vật quốc gia, cố tình chạy trốn;

d) Khi có căn cứ cho rằng, trên tàu thuyền có đối tượng đã thực hiện hành vi cướp biển, cướp có vũ trang theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và quy định của pháp luật hình sự, cố tình chạy trốn.

3. Trường hợp nổ súng theo quy định tại khoản 2 Điều này phải tuân thủ các nguyên tắc sử dụng vũ khí quân dụng quy định tại Luật quân lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ nhưng phải cảnh báo bằng hành động, mệnh lệnh, lời nói hoặc bắn chỉ thiên trước khi nổ súng.

Điều 15. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

Cảnh sát biển Việt Nam sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thu thập thông tin, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.

Điều 16. Huy động người, tàu thuyền, phương tiện và thiết bị kỹ thuật dân sự

1. Trong trường hợp khẩn cấp để bắt giữ người, tàu thuyền, phương tiện vi phạm pháp luật; tìm kiếm cứu nạn; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường nghiêm trọng, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển huy động người, tàu thuyền, phương tiện, và thiết bị kỹ thuật dân sự của tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Việc huy động phải bảo đảm phù hợp với pháp luật, khả năng thực tế của người, tàu thuyền, phương tiện và thiết bị kỹ thuật dân sự được huy động và trong

khoảng thời gian cần thiết. *Tàu thuyền*, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự phải được hoàn trả ngay khi tình thế *khẩn cấp* chấm dứt. *Nếu người được huy động làm nhiệm vụ mà bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách quy định tại Điều 6 của Luật này; trường hợp tàu thuyền, phương tiện và thiết bị kỹ thuật dân sự được huy động bị mất mát, hư hỏng thì cơ quan có cán bộ, chiến sĩ huy động phải đền bù theo quy định của pháp luật.*

2. Trong trường hợp *khẩn cấp để bắt giữ người và phương tiện vi phạm pháp luật; tìm kiếm cứu nạn; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển nghiêm trọng, Cảnh sát biển Việt Nam đề nghị hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động trong vùng biển Việt Nam.*

Điều 17. Thực hiện quyền truy đuổi tàu thuyền trên biển

1. Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện quyền truy đuổi *tàu thuyền trên biển* trong các trường hợp sau đây:

- a) *Vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển;*
- b) *Có hành vi cản trở, chống đối, không chấp hành tín hiệu dừng tàu thuyền của Cảnh sát biển Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật này;*
- c) *Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động truy đuổi;*
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. *Phạm vi, thẩm quyền và trình tự* truy đuổi *tàu thuyền trên biển* của Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật này, *quy định của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

Điều 18. Công bố, thông báo cấp độ an ninh hàng hải và thay đổi cấp độ an ninh hàng hải

Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam công bố cấp độ hoặc thay đổi cấp độ an ninh hàng hải và thực hiện việc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền; tiếp nhận, xử lý thông tin an ninh hàng hải; thông báo các biện pháp an ninh *hàng hải* phù hợp cần áp dụng đối với *tàu thuyền* hoạt động tại vùng biển Việt Nam.

Mục 3

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 19. Nguyên tắc hợp tác quốc tế của Cảnh sát biển Việt Nam

1. *Thực hiện hợp tác quốc tế trên cơ sở* tuân thủ pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà *nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; bảo đảm độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển.*

2. Phát huy sức mạnh nội lực và *sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, bảo đảm thực thi pháp luật trên biển.*

Điều 20. Nội dung hợp tác quốc tế

1. Phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền.

2. **Phòng, chống tội phạm**; phòng, chống tội phạm ma túy, mua bán người, **khủng bố**, hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh bất hợp pháp, buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới, khai thác hải sản bất hợp pháp và các vi phạm pháp luật khác trên biển.

3. Phòng, chống ô nhiễm và ứng phó khắc phục sự cố môi trường biển; kiểm soát bảo tồn các nguồn tài nguyên biển; bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển; phòng, chống, cảnh báo thiên tai; hỗ trợ nhân đạo, ứng phó thảm họa; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trên biển **trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Cảnh sát biển Việt Nam**.

4. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ; trao đổi kinh nghiệm và **tăng cường năng lực của Cảnh sát biển Việt Nam**.

5. Các nội dung hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật **Việt Nam** và **điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên**.

Điều 21. Hình thức hợp tác quốc tế

1. Trao đổi thông tin về an ninh, trật tự, an toàn trên biển.

2. Tổ chức hoặc tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế về an ninh, trật tự, an toàn và thực thi pháp luật trên biển.

3. Tham gia ký kết thỏa thuận quốc tế và văn kiện hợp tác quốc tế với lực lượng chức năng của quốc gia khác theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp tuần tra, **kiểm tra**, kiểm soát giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm chấp hành pháp luật trên biển.

5. Tham gia diễn tập, huấn luyện; tổ chức đón, thăm xã giao lực lượng thực thi pháp luật trên biển của các quốc gia ở khu vực và **trên** thế giới.

6. Thực hiện các hoạt động của cơ quan thường trực; cơ quan đầu mối liên lạc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà **nước** Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật Việt Nam.

7. Các hình thức hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà **nước** Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Phương án 1 (chỉnh lý lại Chương IV – Phối hợp hoạt động của dự thảo Luật Cảnh sát biển)

Chương IV

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM VỚI LỰC LƯỢNG THUỘC CÁC BỘ, NGÀNH, CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 22. Phạm vi phối hợp

Cảnh sát biển Việt Nam phối hợp với cơ quan, **tổ chức, lực lượng chức năng** thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam theo quy định của Luật này

và quy định khác của pháp luật có liên quan. Việc phối hợp giữa Cảnh sát biển Việt Nam và các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; không làm cản trở đến các hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên biển.

2. Cảnh sát biển Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp phối hợp để giải quyết kịp thời các vụ việc và hỗ trợ nhau thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định.

3. Bảo đảm sự chủ trì, chỉ huy, chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất; bảo đảm giữ bí mật thông tin về quốc phòng, an ninh, lực lượng, phương tiện và biện pháp nghiệp vụ của các lực lượng trong quá trình phối hợp.

4. Phương thức phối hợp linh hoạt, cụ thể và hiệu quả, gắn với trách nhiệm người quản lý, chỉ huy.

5. Trên cùng một vùng biển, đối với những vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều lực lượng thì lực lượng nào phát hiện trước, lực lượng đó phải tiến hành xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; đối với vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển hồ sơ cho lực lượng có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chủ trì giải quyết. Lực lượng tiếp nhận hồ sơ vụ việc có trách nhiệm thông báo kết quả điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật cho lực lượng chuyển giao biết.

Điều 24. Nội dung phối hợp

1. Trao đổi thông tin, tài liệu; tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển.

3. Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo vệ tài sản của nhà nước, tính mạng, tài sản của người và phương tiện hoạt động hợp pháp trên biển.

4. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trên biển; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật; đấu tranh, phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền.

5. Phòng, chống thiên tai; tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và khắc phục, ứng phó sự cố môi trường biển.

6. Giáo dục, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế.

8. Thực hiện các hoạt động phối hợp khác có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm phối hợp hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam với các lực lượng thuộc Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính và Bộ Công thương

1. Thông báo tình hình trên biển có liên quan cho các lực lượng thuộc các Bộ, ngành phối hợp với Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Chủ trì phối hợp bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển bằng biện pháp pháp luật.

3. Chủ trì phối hợp tuần tra, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trên biển; bảo đảm thực thi pháp luật; phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền trong vùng biển Việt Nam.

4. Chủ trì phối hợp truy đuổi, bắt giữ các đối tượng, tàu thuyền, phương tiện vi phạm pháp luật trên biển.

5. Chủ trì công bố cấp độ an ninh hàng hải, thay đổi cấp độ an ninh hàng hải, hướng dẫn áp dụng biện pháp an ninh hàng hải trong vùng biển Việt Nam.

6. Chủ trì phối hợp tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải trong vùng biển Việt Nam trừ vùng nước cảng biển.

7. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 24 của Luật này.

Điều 26. Trách nhiệm phối hợp hoạt động của các lực lượng thuộc Bộ Công an với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thông báo tình hình chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Điều tra, bắt giữ người vi phạm pháp luật trên biển đang *lấn* trốn trên địa bàn hoạt động của lực lượng Công an theo đề nghị của Cảnh sát biển Việt Nam.

3. Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho Cảnh sát biển Việt Nam.

4. Thực hiện các nội dung phối hợp quy định tại Điều 24 của Luật này.

Điều 27. Trách nhiệm phối hợp hoạt động của các lực lượng thuộc Bộ Giao thông vận tải với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thông báo tình hình vi phạm pháp luật về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và các thông tin khác liên quan đến hoạt động hàng hải trong vùng biển Việt Nam.

2. Kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải trong vùng nước cảng biển.

3. Tiếp nhận, xử lý, truyền phát thông tin về an ninh hàng hải.

4. Cung cấp những thông tin về thông báo hàng hải, báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải, chướng ngại vật trên các tuyến hàng hải, luồng hàng hải; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến hoạt động của tàu thuyền; các loại mẫu giấy tờ, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và các giấy tờ khác của tàu thuyền.

5. Tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải trong vùng nước cảng biển, diễn tập kết nối thông tin an ninh hàng hải giữa các cơ quan, đơn vị

liên quan tại cảng dầu khí ngoài khơi và trên tàu biển hoạt động tại cảng dầu khí ngoài khơi.

6. Thực hiện quyết định bắt giữ tàu biển theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu biển.

7. Thực hiện các nội dung *phối hợp* quy định tại Điều 24 của Luật này.

Điều 28. Trách nhiệm phối hợp hoạt động của lực lượng thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thông báo tình hình sự cố môi trường biển; vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường biển; các thông tin liên quan đến bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; cung cấp thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn trên biển.

2. Kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ tài nguyên và môi trường biển theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Thực hiện các nội dung *phối hợp* quy định tại Điều 24 của Luật này.

Điều 29. Trách nhiệm phối hợp hoạt động giữa của lực lượng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thông báo tình hình các loại phương tiện, tàu thuyền hoạt động nghề cá có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

2. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thủy sản trên biển.

3. Thực hiện các nội dung *phối hợp* quy định tại Điều 24 của Luật này.

Điều 30. Trách nhiệm phối hợp hoạt động của lực lượng thuộc Bộ Tài chính với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thông báo thông tin liên quan đến công tác đấu tranh, phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan và các lĩnh vực khác có liên quan.

2. Kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực hải quan trong vùng biển Việt Nam.

3. Thực hiện các nội dung *phối hợp* quy định tại Điều 24 của Luật này.

Điều 31. Trách nhiệm phối hợp hoạt động của các lực lượng thuộc Bộ Công Thương với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Thông báo về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động dầu khí trên biển; tình hình vi phạm pháp luật liên quan đến thăm dò, khai thác dầu khí trên biển; *tình hình vi phạm pháp luật liên quan tới buôn lậu, gian lận thương mại trên biển.*

2. Thực hiện các nhiệm vụ huy động người, phương tiện thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam;

3. *Phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ;*

hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm và gian lận thương mại; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên biển.

4. Thực hiện các nội dung phối hợp quy định tại Điều 24 của Luật này.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc phối hợp với Cảnh sát biển Việt Nam

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, lực lượng thuộc quyền phối hợp với Cảnh sát biển Việt Nam theo quy định của Chính phủ.

Phương án 2 (Điều 7a thay Chương IV – Phối hợp hoạt động của dự thảo Luật Chính phủ trình)

“Điều 7a. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cảnh sát biển Việt Nam phối hợp với cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không cản trở hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên biển; bảo đảm kịp thời và hiệu quả.

3. Việc phối hợp giữa Cảnh sát biển Việt Nam và các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

4. Cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để Cảnh sát biển Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 4 Điều này.”

Chương V

TỔ CHỨC CỦA CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 33. Hệ thống tổ chức của Cảnh sát biển Việt Nam

- 1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.**
- 2. Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển và các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.**
- 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.**

Điều 34. Ngày truyền thống của Cảnh sát biển Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 hằng năm là Ngày truyền thống của Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 35. Tên giao dịch quốc tế

Tên giao dịch quốc tế của Cảnh sát biển Việt Nam là Vietnam Coast Guard.

Điều 36. Màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết phương tiện của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Tàu thuyền, xuồng, máy bay và các phương tiện khác của Cảnh sát biển Việt Nam có màu sắc, cờ hiệu, phù hiệu và dấu hiệu nhận biết riêng. Khi làm nhiệm vụ tàu thuyền, xuồng phải treo quốc kỳ và cờ hiệu Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Con dấu của Cảnh sát biển Việt Nam

Cảnh sát biển Việt Nam sử dụng con dấu có hình Quốc huy trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Điều 38. Trang phục của Cảnh sát biển Việt Nam

Cảnh hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cảnh phục, lễ phục của Cảnh sát biển Việt Nam do Chính phủ quy định.

Chương VI

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 39. Kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho Cảnh sát biển Việt Nam

1. Nhà nước bảo đảm *kinh phí* và cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình cho hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Ưu tiên đầu tư trang bị, *tàu thuyền*, phương tiện, vũ khí, *vật liệu nổ*, công cụ hỗ trợ, *phương tiện*, *thiết bị* kỹ thuật nghiệp vụ tiên tiến; nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ cho Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 40. Trang bị phương tiện, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát biển Việt Nam

Cảnh sát biển Việt Nam được trang bị tàu thuyền, xuồng, máy bay và các phương tiện khác; các loại vũ khí, *vật liệu nổ*, công cụ hỗ trợ và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Điều 41. Cấp bậc, quân hàm, chức vụ, chế độ phục vụ, chế độ chính sách và quyền lợi của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, phong, thăng, giáng, tước cấp bậc, quân hàm, nâng lương, hạ bậc lương, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, chế độ phục vụ, thôi phục vụ, chế độ chính sách, quyền lợi và các quy định khác đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được thực hiện theo Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng; Luật nghĩa vụ quân sự và *quy định khác của pháp luật* có liên quan.

2. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam khi phục vụ tại ngũ được hưởng chế độ ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ, đặc thù công tác, địa bàn hoạt động do Chính phủ quy định.

3. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam hy sinh, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ, được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 42. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn vào Cảnh sát biển Việt Nam

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam, nữ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, lý lịch rõ ràng và tự nguyện phục vụ lâu dài trong lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, có kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tiêu chuẩn tuyển chọn người vào lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 43. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam

Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật, *ngoại ngữ* và kiến thức cần thiết khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; khuyến khích phát triển tài năng phục vụ lâu dài trong Cảnh sát biển Việt Nam.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ, NGÀNH, CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 44. Nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Ban hành, *trình cấp có thẩm quyền ban hành* và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Tổ chức, *chỉ đạo hoạt động của* Cảnh sát biển Việt Nam.

3. Đào tạo, *huấn luyện và* bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam.

4. Thực hiện chế độ, chính sách đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, *sơ kết, tổng kết, khen thưởng*, xử lý vi phạm pháp luật *trong* hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam.

6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

7. Hợp tác quốc tế của Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 45. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm *trước Chính phủ trong việc thực hiện* quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm *phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện* quản lý nhà nước đối với Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 46. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tạo điều kiện hỗ trợ và giúp đỡ Cảnh sát biển Việt Nam trong sử dụng quỹ đất tại địa phương để xây dựng trụ sở đóng quân, trú đậu tàu thuyền, kho tàng, bến bãi; hỗ trợ chính sách và các điều kiện tạo thuận lợi cho Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện *chức năng*, nhiệm vụ; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 47. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm *phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan* tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về Cảnh sát biển Việt Nam; giám sát việc thực hiện pháp luật về Cảnh sát biển Việt Nam của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Hiệu lực thi hành

Luật Cảnh sát biển Việt Nam có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019.

Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam số 03/2008/PL-UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 26 tháng 01 năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng năm 2018./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân